TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108**/2025/HC-PT
Ngày 25/8/2025.
V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về việc giải quyết khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**
Các Thẩm phán: ông **Phạm Tồn**
ông **Trần Đức Kiên**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đoàn Thị Thu Hiền**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: ông **Đinh Văn Chánh**, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 211/2025/TLPT-HC ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về việc giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 498/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Cao Thị D - sinh năm 1991; địa chỉ: tổ A Đường Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị D:* ông Nguyễn Văn S - sinh năm 1959 (văn bản uỷ quyền ngày 05/6/2023).

Địa chỉ: số A đường P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* ông Nguyễn Trọng B - Phó Chi cục Trưởng C2 thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh K. Có mặt.

3. Người kháng cáo: người khởi kiện bà Cao Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2024, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 10/6/2024 và quá trình tố tụng, người khởi kiện bà Cao Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị D là ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Nhà, đất của bà Cao Thị D tại tổ A Đường Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình sử dụng đất không tranh chấp với các hộ liền kề và nộp thuế cho Nhà nước đầy đủ.

Ngày 16/8/2022, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1744/QĐ-UBND thu hồi đất của bà Cao Thị D, diện tích 218m^2 đất để thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N là không đúng, vì: theo quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh B 03 Quyết định cho Công ty cổ phần C3 thuê đất để thực hiện dự án: Quyết định số 3267 ngày 28/10/2016 diện tích 35.839.6m^2; Quyết định số 326 ngày 28/10/2016 diện tích 120.324.6m^2; Quyết định số 2308 ngày 10/8/2021 diện tích 7.123.9m^2.

Tổng diện tích 163.396.6m^2 đất (16,33ha) phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2013. Về vị trí ranh giới khu đất: 03 Quyết định nêu trên thể hiện tờ bản đồ địa chính số 175/2016 Sở T duyệt ngày 13/10/2016 nằm tại khu C; đối chiếu với bản đồ trích đo địa chính số 175-2016 vị trí khu C cách xa vị trí nhà, đất của bà D nằm tại khu B khoảng 200m.

Không đồng ý với các quyết định, bà D khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 bác nội dung đơn khiếu nại của bà D.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, ngày 18/4/2023, bà D gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K. Ngày 25/5/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh K đã ra thông báo thụ lý số 206/TB-UBND thụ lý đơn đề nghị giải quyết khiếu nại lần 02 của bà D và giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 30/6/2023, tại Biên bản làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K, người đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Nguyễn Văn S đã chứng minh đất của bà D nằm tại khu B, cách khu C khoảng 200m, thể hiện tại 03 Quyết định nêu trên. Vị trí, ranh giới khu đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh K cho dự án C & S1 nằm tại khu C thể hiện 03 Quyết định trên và tờ bản đồ địa chính trích đo số 175-2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K ngày 13/10/2016.

Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 về giải quyết khiếu nại lần 02 không xác minh làm rõ vị trí, ranh giới thửa đất, diện tích đất của dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh C thuê mà công nhận Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N là sai vì Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố N thu hồi đất của bà D là không đúng theo quy định tại Điều 61, khoản 3 Điều 62, Điều 63, vị trí ranh giới thể hiện tại 3 Quyết định trên và Điều 79 của Luật Đất đai năm 2013. Như vậy, Quyết định số 1152/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu, bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Cao Thị D. Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K giải quyết khiếu nại lần 2 là bác đơn khiếu nại của bà Cao Thị D và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D.

Đồng thời, tại Điều 21 của Luật Khiếu nại năm 2011 quy định về thẩm quyền tổ chức đối thoại lần 02: "Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở và cấp tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại. Tại Điều 37 quy định: "Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý" và Điều 39 có quy định: "Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai", người giải quyết khiếu nại tiến hành đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại" người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại". Điều 53 quy định tổ chức đối thoại như sau: "Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, trước khi giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Thành phần tham gia đối thoại bao gồm người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại chủ trì, người khiếu nại, người có trách nhiệm xác minh".

Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại thuộc quyền Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, trang 116 có quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đối thoại lần hai.

Ngày 02/4/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K ra quyết định số 877/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của bà D nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đã vi phạm luật khiếu nại là không trực tiếp tổ chức đối thoại với người khiếu nại trước khi quyết định giải quyết khiếu nại, dẫn đến ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của bà D. Tại hồ sơ giải quyết khiếu nại, không có văn bản nào của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh được ủy quyền cho Giám đốc Sở thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đối thoại. Vì vậy, bà D đề nghị Tòa án giải quyết:

- Tuyên hủy Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K;

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K giải quyết khiếu nại lần hai đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

** Tại văn bản số 13979/UBND ngày 06/12/2024 và văn bản số 2078/UBND ngày 21/02/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K, quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện trình bày:*

Bà Cao Thị D khiếu nại đề nghị hủy quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường của Ủy ban nhân dân thành phố N tại Dự án C & S, phường V, thành phố N. Việc khiếu nại của bà Cao Thị D đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định giải quyết lần đầu số 1152/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 với nội dung: "Bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Cao Thị D".

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh đã thông báo thụ lý và quyết định giao Sở T xác minh nội dung khiếu nại. Sau khi có kết quả xác minh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Cao Thị D, địa chỉ: tổ A Đường Đ, phường V, thành phố N (lần hai), với nội dung: "a) Bác đơn của bà Cao Thị D khiếu nại yêu cầu hủy các quyết định của UBND thành phố N về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án C & S, phường V, thành phố N; b) Công nhận Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị D là đúng quy định." Nội dung chủ yếu như sau:

a) Nguồn gốc đất, việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Theo trình bày của ông Nguyễn Văn S, địa chỉ: thôn P, xã P, thành phố N (người được bà Cao Thị D ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 3431 ngày 05/6/2023 của Văn phòng C4) và hồ sơ thu thập được thể hiện: thửa đất bà Cao Thị D đang khiếu nại tại B, Đường Đ, phường V, thành phố N là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 02, thuộc mảnh trích đo địa chính số 88-2018 do Công ty TNHH D1 thiết lập ngày 01/8/2018, được Sở T xác nhận ngày 21/9/2018, trên cơ sở bản đồ cắm mốc ranh giới số 175-2016 được Sở T xác nhận ngày 13/10/2016, diện tích 218,5m^2, có nguồn gốc như sau:

Theo trình bày của ông Nguyễn Văn S: nguồn gốc đất bà Cao Thị D đang khiếu nại do nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị C1 theo Giấy chuyển nhượng ngày 01/10/2011, diện tích đất là 223,25m^2, trên đất có nhà cấp 4 xây gạch, diện tích khoảng 18m^2 (bằng giấy viết tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền); bà Cao Thị D được Công an thành phố N cấp Sổ hộ khẩu ngày 10/02/2012, đóng thuế đất phi nông nghiệp từ năm 2012.

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường V tại Giấy xác nhận số 38/XN-UBND ngày 07/01/2022: theo hồ sơ Sổ dã ngoại năm 1996, do bà Nguyễn Thị C1

kê khai với diện tích 2.730m^2 (thửa đất số 22, tờ bản đồ 4F-III, loại ruộng đất: T). Theo Giấy tờ: năm 1986, Ủy ban nhân dân phường V ban hành Quyết định số 33/QĐ-UB về việc thành lập Ban Chỉ đạo kinh tế mới B. Ngày 18/12/1989, bà Nguyễn Thị C1 được Ủy ban nhân dân phường V đến B để xin phân đất, lập hộ đi cơ sở II. Trong quá trình canh tác, hộ gia đình có khai hoang thêm với tổng diện tích 2.000m^2 đất (theo Bảng kê khai tình hình nhà đất hiện do Ủy ban nhân dân phường V đang quản lý và bố trí sử dụng tính đến ngày 01/8/1993, được Sở Xây dựng xác nhận ngày 16/9/1993). Ngày 01/10/2011, bà Nguyễn Thị C1 trích một phần đất chuyển nhượng cho bà Cao Thị D, diện tích 223,25m^2 đất (bằng giấy tay không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền).

Diện tích thực tế sử dụng của bà D 218,5m^2 đất, chênh lệch giảm 4,75m^2 đất so với Giấy chuyển nhượng là do mua bán áng chừng. Toàn bộ khuôn viên ranh giới thửa đất đã được xác định, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề. Bà D tiếp tục sử dụng đất đến thời điểm giải tỏa, ổn định, không lấn chiếm và không có tranh chấp. Hộ gia đình bà D không trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại vị trí giải tỏa, không ăn ở, sinh hoạt thường xuyên trên thửa đất giải tỏa. Thời điểm xây dựng công trình vật kiến trúc khác trên đất năm 2011 (không có Giấy phép xây dựng). Loại đất: đất trồng cây lâu năm.

Giá đất cụ thể để tính bồi thường, tính tiền sử dụng đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4837/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 và văn bản số 846/UBND-XDNĐ ngày 25/01/2022 cho phép tiếp tục được áp dụng giá đất cụ thể tính bồi thường và tái định cư đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với dự án C & Spa đến ngày 30/6/2022 và Quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 27/7/2022.

Thửa đất bà Cao Thị D bị giải tỏa toàn bộ 218,5m^2 đất. Ủy ban nhân dân thành phố N thu hồi tại Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 16/8/2022, phê duyệt phương án kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 16/8/2022; bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 16/8/2022, với số tiền 141.232.581đồng, cụ thể:

+ Về đất: hỗ trợ đất trồng cây lâu năm (bằng 90% đơn giá bồi thường) là: 94.392.000đồng (thửa đất tiếp giáp vị trí 4 đường Phạm Văn Đồng đoạn từ hết khu quy hoạch biệt thự Đường Đ đến Mũi K, đơn giá 480.000đ/m^2).

+ Nhà, vật kiến trúc có trên đất được hỗ trợ 46.840.581đồng (do công trình vật kiến trúc được tạo lập trái quy định pháp luật - không có Giấy phép xây dựng, nên không được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013; được áp dụng mức hỗ trợ theo quy định tại mục 7 khoản 4 Điều 1 Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh).

+ Về cây trồng: ngày 30/01/2023, Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định số 149/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với cây trồng, với số tiền là 53.251.295đồng.

+ Về chính sách tái định cư: bà Cao Thị D không đủ điều kiện để được giao đất tái định cư.

b) Việc giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân thành phố N: bà Cao Thị D không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ nêu trên nên có đơn gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N để khiếu nại yêu cầu hủy các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp bà Cao Thị D tại dự án C & S. Ngày 17/3/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1152/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị D, với nội dung: bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Cao Thị D.

Qua toàn bộ hồ sơ vụ việc nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K: dự án C & S tại phường V, thành phố N được Uỷ ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000398 ngày 16/4/2013, chứng nhận Công ty Cổ phần D2 thực hiện dự án, với diện tích đất khoảng 46ha; mục tiêu: đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp (đạt chuẩn 5 sao) với vốn đầu tư khoảng 1.200 tỷ đồng; nguồn vốn: 100% vốn trong nước, từ nguồn vốn tự có của doanh nghiệp và vốn huy động khác; thời hạn hoạt động: 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Căn cứ theo quy định tại Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ T tại Mục X Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/7/2009 dự án Champarama Resort & Spa thuộc nhóm đối tượng Nhà nước thu hồi đất cụ thể: "Các dự án phát triển kinh tế trong khu đô thị hiện có gồm dự án xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản, dự án xây dựng nhà ở xã hội, dự án xây dựng nhà ở phục vụ tái định cư, dự án xây dựng nhà ở công vụ, dự án xây dựng trung tâm thương mại, trung tâm H; dự án xây dựng khách sạn cao cấp đạt tiêu chuẩn từ hạng 3 sao trở lên".

Dự án C & S1 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp chủ trương đầu tư trước khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực. Thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013 và Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xử lý các trường hợp đang thực hiện thủ tục thu hồi đất trước ngày 01/7/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh K đã thống nhất cho phép tiếp tục thực hiện dự án và áp dụng hình thức thu hồi đất để thực hiện dự án và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/12/2014. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố N đã cập nhật phần diện tích thu hồi vào Kế hoạch sử dụng đất của thành phố N từ năm 2015 đến nay và được Ủy ban nhân dân tỉnh K phê duyệt.

Dự án Champarama Resort & S tại phường V, thành phố N được Ủy ban nhân dân tỉnh K phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 465/QĐ-UBND ngày 24/02/2016, trong đó diện tích lập quy hoạch 44,41ha (bao gồm: khu B 28,8ha, khu C 15,61ha). Sau đó phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 theo Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 07/5/2019, trong đó diện tích lập quy hoạch 43,81ha (bao gồm khu B 28,2ha, khu C 15,61ha).

Dự án C & Spa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số dự án: 5488314111) ngày 06/01/2016 cho Công ty Cổ phần D3 thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh K chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 cho nhà đầu tư là Công ty Cổ phần V thực hiện. Ngày 12/3/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5488314111 (thay thế cho Giấy chứng nhận đầu tư số 5488314111 ngày 06/01/2016). Sau đó, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 4 ngày 23/6/2022, trong đó, tiến độ thực hiện mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư: giai đoạn 2. Thời gian hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và các thủ tục xin phép xây dựng khu B trước ngày 31/5/2023.

Toàn bộ thửa đất bà D khiếu nại nằm trong ranh giới dự án C & Spa. Nguồn gốc đất do nhận sang nhượng bằng giấy tay (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền), loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, thời điểm sử dụng đất năm 2011 (sau ngày 01/7/2004). Hộ bà D không trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại vị trí giải tỏa, không ăn ở, sinh hoạt thường xuyên trên thửa đất giải tỏa. Thời điểm xây dựng công trình vật kiến trúc khác trên đất năm 2011 (không có Giấy phép xây dựng). Do vậy, trường hợp thu hồi đất của bà D chỉ được hỗ trợ về đất nông nghiệp (bằng 90% giá bồi thường theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh K phê duyệt) và hỗ trợ công trình vật kiến trúc trên đất, không đủ điều kiện cấp đất tái định cư theo quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Việc bà Cao Thị D khiếu nại yêu cầu hủy các quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, đồng thời, yêu cầu bồi thường theo giá đất ở đô thị và cấp đất tái định cư là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Về lý do bà D đề nghị hủy Quyết định số 877/QĐ-UBND vì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K không trực tiếp tham gia đối thoại như sau: ngày 24/10/2023, Sở T có Báo cáo số 194/BC-STNMT về việc báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà D, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh đã có văn bản số 11399/UBND-XDNĐ ngày 02/11/2023 với nội dung: "Giao Giám đốc Sở T khẩn trương tổ chức đối thoại đối với bà Cao Thị D theo đúng quy định tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; báo cáo kết quả đối thoại và tham mưu quyết định giải quyết khiếu nại lần hai trình UBND tỉnh theo đúng quy định...".

Ngày 27/12/2023, Giám đốc Sở T đã chủ trì tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại lần hai của bà Cao Thị D. Ông Nguyễn Văn S được bà Cao Thị D ủy quyền tham dự buổi đối thoại. Tại buổi đối thoại, ông Nguyễn Văn S đề nghị tạm dừng buổi đối thoại và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đối thoại.

Ngày 15/01/2024, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh đã có văn bản số 569/UBND-KT tiếp tục giao (phân công) cho Giám đốc Sở T tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Cao Thị D theo quy định của Luật Khiếu nại; báo cáo kết quả đối thoại và tham mưu quyết định giải quyết khiếu nại lần hai theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 24/01/2024, Giám đốc Sở T đã chủ trì tổ chức đối thoại với bà Cao Thị D nhưng bà Cao Thị D không đến dự.

Ngày 15/3/2024, Giám đốc Sở T tiếp tục chủ trì tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Cao Thị D (có ông Nguyễn Văn S được bà Cao Thị D ủy quyền tham dự buổi đối thoại). Tại buổi đối thoại, bà Cao Thị D và ông Nguyễn Văn S yêu cầu dừng buổi đối thoại.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại: “1. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại... b) Người giải quyết khiếu nại lần hai là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trực tiếp đối thoại trong trường K (có nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung, có nhiều ý khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền về biện pháp giải quyết, người khiếu nại có thái độ gay gắt, dư luận xã hội quan tâm, vụ việc ảnh hưởng đến an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội).

Đối với các trường hợp khác, người giải quyết khiếu nại có thể phân công cấp phó của mình hoặc thủ trưởng cơ quan chuyên môn cùng cấp hoặc thủ trưởng cơ quan đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ xác minh đối thoại với người khiếu nại. Trong quá trình đối thoại, người được phân công phải kịp thời báo cáo với người giải quyết khiếu nại về những nội dung phức tạp, vượt quá thẩm quyền; kết thúc đối thoại phải báo cáo với người giải quyết khiếu nại về kết quả đối thoại và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo".

Do đó, đối với vụ việc của bà Cao Thị D, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh phân công cho Giám đốc Sở T (là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn cùng cấp) trực tiếp tổ chức đối thoại với người khiếu nại lần hai là đúng quy định của pháp luật. Giám đốc Sở T đã nhiều lần tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại lần hai đối với trường hợp bà Cao Thị D theo đúng quy định. Tuy nhiên, bà Cao Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị D không đồng ý. Trên cơ sở báo cáo tổng hợp kết quả đối thoại của Giám đốc Sở T, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh đã ban

hành Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Cao Thị D là đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, việc bà Cao Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên hủy Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Cao Thị D vì lý do: "Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K không thực hiện trực tiếp đối thoại trong việc giải quyết khiếu nại đối với bà D" là không có cơ sở để giải quyết.

Từ những căn cứ nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đã ban hành Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 về việc giải quyết bác đơn bà Cao Thị D, công nhận Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị D là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đề nghị Tòa án xét xử theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị D về nội dung nêu trên theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 31/3/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã quyết định:

Căn cứ các Điều 3, 30, 32, 115, 116, 157, 158, điểm a khoản 2 Điều 193, 194, 206, 348 của Luật Tố tụng Hành chính; Điều 21, Điều 30 của Luật Khiếu nại năm 2011; điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị D về hủy Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc giải quyết khiếu nại lần hai và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K giải quyết khiếu nại lần hai đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/4/2025, người khởi kiện bà Cao Thị D kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn S là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Cao Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Ông Nguyễn Trọng B - là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Cao Thị D, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp

luật. Án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị D là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà Cao Thị D, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 31/3/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Cao Thị D, Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Về đối tượng và phạm vi khởi kiện: bà Cao Thị D khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Cao Thị D (lần hai) và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K giải quyết khiếu nại lần hai đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, người khởi kiện bà Cao Thị D và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn S đều xác định lý do người khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 877/QĐ-UBND là do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K không thực hiện trực tiếp đối thoại trong việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị D và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K giải quyết khiếu nại lần 2 đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 mà không đề cập đến nội dung giải quyết khiếu nại trong Quyết định số 877/QĐ-UBND nêu trên. Ngoài ra, bà D và ông S không có yêu cầu nào khác. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xem xét về trình tự giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K là đúng phạm vi khởi kiện mà người khởi kiện yêu cầu.

[1.2] Về nguồn gốc thửa đất thu hồi: dự án C & Spa được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp chủ trương đầu tư trước khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực. Thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Điều 99 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xử lý các trường hợp đang thực hiện thủ tục thu hồi đất trước ngày 01/7/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh K đã thống nhất cho phép tiếp tục thực hiện dự án và áp dụng hình thức thu hồi đất để thực hiện dự án, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 10/12/2014. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố N đã cập nhật phần diện tích thu hồi vào Kế hoạch sử dụng đất của thành phố N từ năm 2015 đến nay và được Ủy ban nhân dân tỉnh K phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 dự án C & S tại phường V, thành phố N. Sau đó, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 theo Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 (trong đó: diện tích lập quy hoạch 43,81ha, bao gồm khu B 28,2ha, khu C 15,61ha). Ủy ban nhân dân tỉnh K chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 cho nhà đầu tư là Công ty Cổ phần V thực hiện. Ngày 12/3/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 5488314111 (thay thế cho Giấy chứng nhận đầu tư số

5488314111 ngày 06/01/2016), được chứng nhận điều chỉnh lần thứ 4 ngày 23/6/2022.

Hộ bà Cao Thị D đang sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 02 thuộc mảnh trích đo địa chính số 88 - 2018, địa chỉ: phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường B, tỉnh Khánh Hòa) với diện tích đất 218,5m^2 và diện tích đất này nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án C & Spa. Nguồn gốc đất: do nhận sang nhượng bằng giấy tay (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền), loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, thời điểm sử dụng đất năm 2011 (sau ngày 01/7/2004). Hộ bà Cao Thị D không trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại vị trí giải tỏa, không ở trên thửa đất giải tỏa và thời điểm xây dựng công trình vật kiến trúc khác trên đất năm 2011 (không có giấy phép xây dựng). Ngày 16/8/2022, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1744/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị D. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1739/QĐ-UBND phê duyệt phương án kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 1752/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Cao Thị D.

[1.3] Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố N, bà Cao Thị D đã khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên. Ngày 17/3/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1152/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Cao Thị D (lần đầu) với nội dung: bác toàn bộ nội dung khiếu nại của bà Cao Thị D. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, ngày 18/4/2023, bà Cao Thị D tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K. Ngày 02/4/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K ban hành Quyết định số 877/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Cao Thị D (lần hai) với nội dung: bác đơn khiếu nại của bà Cao Thị D, công nhận Quyết định số 1152/QĐ-UBND nêu trên là đúng.

[2] Bà Cao Thị D yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Cao Thị D (lần hai), vì lý do: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K không trực tiếp thực hiện đối thoại trong việc giải quyết khiếu nại đối với bà D. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về trình tự giải quyết khiếu nại: sau khi có kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Cao Thị D, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K có văn bản số 11399/UBND-XDNĐ ngày 02/11/2023 với nội dung: “Giao Giám đốc Sở T khẩn trương tổ chức đối thoại đối với bà Cao Thị D theo đúng quy định tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; báo cáo kết quả đối thoại và tham mưu quyết định giải quyết khiếu nại lần hai trình UBND tỉnh theo đúng quy định...”.

Ngày 27/12/2023, Giám đốc Sở T đã chủ trì tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại lần hai của bà D. Ông Nguyễn Văn S là người được bà D ủy quyền tham gia đối thoại nhưng tại buổi đối thoại, ông S đề nghị tạm dừng đối thoại vì cho rằng Giám đốc Sở T chủ trì đối thoại là không đúng thẩm quyền và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K trực tiếp chủ trì tổ chức đối thoại.

Ngày 15/01/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K có văn bản số 569/UBND-KT giao Giám đốc Sở T tiếp tục chủ trì tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại lần 2 đối với bà D; báo cáo kết quả đối thoại và tham mưu quyết định giải quyết khiếu nại lần hai theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 24/01/2024, Giám đốc Sở T đã chủ trì tổ chức đối thoại với bà D nhưng bà D không đến dự. Ngày 15/3/2024, Giám đốc Sở T tiếp tục chủ trì tổ chức đối thoại giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà D nhưng tại buổi đối thoại, cả bà D và ông S đều yêu cầu dừng đối thoại.

[2.2] Xét thấy: đơn khiếu nại lần hai của bà D không thuộc trường hợp khiếu nại phức tạp (có nhiều người cùng khiếu kiện về một nội dung, có nhiều ý kiến khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền về biện pháp giải quyết, vụ việc ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội) nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K không trực tiếp đối thoại với người khiếu nại mà phân công Giám đốc Sở T trực tiếp tổ chức đối thoại với người khiếu nại lần hai là đúng thẩm quyền và đúng trình tự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại. Đồng thời, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K áp dụng điểm b khoản 1 Điều 28 của Nghị định này là đúng.

[2.3] Ngoài ra, ông S còn cho rằng Ủy ban nhân dân tỉnh K phân công Giám đốc Sở T đối thoại bằng văn bản mà không ban hành quyết định phân công là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008. Hội đồng xét xử thấy: theo Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh K quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh K, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Q về đất đai, tài nguyên nước…; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh K. Ngoài việc tham mưu về chuyên môn, còn phải làm việc theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh K. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K phân công nhiệm vụ cho Giám đốc Sở T tổ chức đối thoại với bà D bằng công văn (không phải bằng quyết định) là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bà D yêu cầu huỷ Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K không trực tiếp thực hiện đối thoại trong việc giải quyết khiếu nại của bà, là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Do kháng cáo của bà D yêu cầu huỷ Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nội dung kháng cáo yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K giải quyết khiếu nại lần hai đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 cũng không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị D là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà Cao Thị D như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên bà Cao Thị D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Cao Thị D, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2025/HC-ST ngày 31/3/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

Áp dụng Điều 21, Điều 30 của Luật Khiếu nại năm 2011; điểm b khoản 1 Điều 28 của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị D về việc yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Cao Thị D (lần hai);

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K giải quyết khiếu nại lần hai đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

2. Về án phí: bà Cao Thị D phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000814 ngày 12/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà).

3. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- THA dân sự tỉnh Khánh Hoà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Liên